

TCVN 2025

Xuất bản lần 1

(Dự thảo)

GIỐNG CÂY NÔNG NGHIỆP

TIÊU CHUẨN CÂY ĐÀU DÒNG, VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG

PHẦN 9. CÂY ĐIỀU

Agricultural Varieties – Elite tree and Elite orchard

Part 9: Cashew

HÀ NỘI- 2025

LỜI NÓI ĐẦU

TCVN . . . do Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây điều biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường thẩm định, Bộ Khoa học Công nghệ.

GIỐNG CÂY NÔNG NGHIỆP - TIÊU CHUẨN CÂY ĐÀU DÒNG VÀ VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG**PHẦN 9: CÂY ĐIỀU*****Agricultural Varieties – Elite tree and Elite orchard******Part 9: Cashew*****1. Phạm vi áp dụng**

Tiêu chuẩn này quy định các tiêu chí đánh giá về cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng đối với các giống cây nông nghiệp thuộc loài điều (*Anacardium occidentale*. L).

2. Thuật ngữ, định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

2.1 Quần thể (Plant Population)

Tập hợp các cá thể của cùng một giống được trồng trong một phạm vi địa lý do tổ chức có thẩm quyền bình tuyển xác định.

2.2 Cây đầu dòng (Elite trees)

Là cây có năng suất, chất lượng cao, ổn định, tính chống chịu tốt hơn hẳn các cây khác trong quần thể một giống (giống địa phương, giống mới chọn tạo, giống nhập nội), được bình tuyển và công nhận từ quần thể của giống cây trồng.

2.3 Vườn cây đầu dòng (Elite orchard)

Cây thể hiện đầy đủ các đặc trưng của giống, sinh trưởng, phát triển và chất lượng tốt nhất, không bị sâu bệnh nguy hiểm gây hại, bình tuyển từ quần thể của một giống cây trồng, được tổ chức có thẩm quyền công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.

2.4 Tính trạng đặc trưng của giống (Specific characteristics)

Là những tính trạng được sử dụng trong khảo nghiệm đánh giá tính khác biệt của giống.

2.5 Cây khác dạng (Off-type plant)

Cây có một hoặc nhiều tính trạng khác biệt rõ ràng với các tính trạng đặc trưng có trong bản mô tả của giống được kiểm định.

2.6 Tính đúng giống (Trueness of variety)

Sự phù hợp về các tính trạng đặc trưng của cây giống trong lô kiểm định so với bản mô tả giống.

3. Tiêu chuẩn chất lượng và yêu cầu kỹ thuật

3.1 Cây đầu dòng

- Phải mang các tính trạng đặc trưng của giống, sinh trưởng khỏe, độ đồng đều cao, không đứng ở vị trí đặc biệt trong quần thể.
- Phải có năng suất hạt cao hơn tối thiểu 10% so với năng suất trung bình của quần thể tại nơi bình tuyển; năng suất ổn định liên tục từ 3 vụ thu hoạch trở lên tính đến thời điểm công nhận và phải được đánh giá định kỳ hàng năm.
- Phải đáp ứng giới hạn về tiêu chuẩn năng suất hạt, tỷ lệ nhân và mức độ nhiễm một số đối tượng sinh vật gây hại theo quy định tại Bảng 1.
- Chỉ được khai thác tối đa 6 đợt chồi/năm (khoảng 300 chồi/đợt).
- Phải được tổ chức có thẩm quyền công nhận.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu của cây điều đầu dòng

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ biểu hiện
1	Tính đúng giống (đặc điểm hình thái)	100%
1.1	Màu sắc lá non	Theo thực tế
1.2	Dạng lá	Theo thực tế
1.3	Thời gian ra hoa:	Từ tháng 12 đến tháng 2 (3 tháng)
1.4	Thời gian thu hoạch:	3 tháng
1.5	Màu sắc quả giả non	Theo thực tế
1.6	Màu sắc hạt non	Theo thực tế
1.7	Màu sắc quả giả chín	Theo thực tế
1.8	Dạng quả giả	Theo thực tế
1.9	Màu sắc hạt chín	Theo thực tế
1.10	Hình thái hạt	Theo thực tế
2	Tuổi cây	8 năm trở lên
3	Sinh trưởng của cây	
3.1	Chiều cao cây (m)	Theo thực tế
3.2	Đường kính thân cây (cm)	Theo thực tế
3.3	Dạng tán	Phát triển mạnh, đều, hình dù
4	Năng suất hạt khô trung bình 3 năm liên tiếp (kg hạt/cây), ẩm độ $\leq 10\%$	≥ 35
5	Chất lượng hạt	
5.1	Số hạt khô/kg trung bình 3 năm	120 -170
5.2	Tỷ lệ nhân (%)	$\geq 28,0$
6	Tình hình sâu hại	Mức gây hại nhẹ

6.1	Sâu đục lá (<i>Acrocercops syngamma</i>)	Cấp 1 < 10% lá bị hại
6.2	Sâu đục thân (<i>Plocaederus obesus</i>)	Cấp 1 < 10% cây bị hại
6.3	Sâu đục cành (<i>Rhytidodera bowringii</i> White)	Cấp 1 < 10% cành bị hại
6.4	Bọ vòi voi đục chồi (<i>Alcides</i> sp.)	Cấp 1 < 10% chồi bị hại
6.5	Bọ xít muỗi (<i>Helopeltis theivora</i> Waterhouse, <i>H. antonii</i> Signoret)	Cấp 1 < 10% lá, hoa, quả bị hại
6.6	Bọ trĩ (<i>Scirtothrips dorsalis</i>)	Cấp 1 < 10% lá, hoa, quả bị hại
6.7	Rệp muội nâu đen (<i>Toxoptera aurantii</i>)	Cấp 1 < 10% lá, hoa, quả bị hại
7	Tình hình bệnh hại	
7.1	Bệnh thán thư (<i>Colletotrichum gloeosporoides</i>)	Cấp 1 < 10% lá, hoa, cành, quả và thân bị hại
7.2	Bệnh nấm hồng <i>Corticium salmonicolor</i>)	Cấp 1 < 10% thân cành bị hại
7.3	Bệnh bệnh khô cành (<i>Lasiodiplodia theobromae</i>)	Cấp 1 < 10% cành bị hại

Ghi chú: Áp dụng thang phân cấp của TCVN 13268-3:2021 Bảo vệ thực vật – Phương pháp điều tra sinh vật gây hại – Phần 3: Nhóm cây công nghiệp

Plant protection - Pest surveillance method - Part 3: Industrial crops

3.2 Vườn cây đầu dòng

- Phải được thiết lập từ vật liệu nhân giống khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng được công nhận theo quy định.
- Vườn cây đầu dòng chỉ được khai thác tối đa 6 đợt cành/năm.
- Phải đáp ứng giới hạn về mức độ nhiễm một số đối tượng sinh vật gây hại theo quy định tại Bảng 2.
- Phải có hồ sơ thiết lập công nhận vườn cây đầu dòng, nhật ký chăm sóc, lưu giữ, khai thác vườn cây đầu dòng (phụ lục 1).

Bảng 2. Giới hạn mức độ nhiễm một số đối tượng sinh vật gây hại trên vườn cây điều đầu dòng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn
1	Tình hình sâu hại		
1.1	Sâu đục lá (<i>Acrocercops syngamma</i>)	%	< 10
1.2	Bọ vòi voi đục chồi (<i>Alcides</i> sp.)	%	< 10
1.3	Bọ xít muỗi (<i>Helopeltis theivora</i> Waterhouse, <i>H. antonii</i> Signoret)	%	< 10

1.4	Bọ trĩ (<i>Scirtothrips dorsalis</i>)	%	< 10
1.5	Rệp muội nâu đen (<i>Toxoptera aurantii</i>)	%	< 10
2	Tình hình bệnh hại		
2.1	Bệnh thán thư (<i>Colletotrichum gloeosporoides</i>)	%	< 10
2.2	Bệnh nấm hồng <i>Corticium salmonicolor</i>)	%	< 10
2.3	Bệnh bệnh khô cành (<i>Lasiodiplodia theobromae</i>)	%	< 10

Ghi chú: Quan sát các thời điểm 15; 10; 5 và 1 ngày trước lúc khai thác chồi

4. Phương pháp kiểm tra

- Kiểm tra hồ sơ về nguồn gốc, bình tuyển, thiết lập, công nhận cây đầu dòng và vườn cây đầu dòng.
- Kiểm tra các tính trạng đặc trưng của giống: theo các chỉ tiêu và mô tả tính trạng đặc trưng của giống quy định tại TCVN về khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) đối với giống cây trồng thuộc loài điều *Anacardium occidentale*. L.
- Kiểm tra năng suất: thông qua xác định trực tiếp (ít nhất 3 năm) trên vườn kết hợp với phỏng vấn chủ hộ.
- Kiểm tra mức độ nhiễm các đối tượng sinh vật gây hại: quan trắc trực tiếp trên vườn, đối chiếu với các triệu chứng gây hại đặc trưng của sinh vật hại và kết hợp giám định sinh vật hại trong phòng thí nghiệm.

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] 10TCN 965: 2006 Quy trình kỹ thuật nhân giống điều bằng phương pháp ghép.
- [2] 10TCN 967: Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây điều ghép.
- [3] Cục Trồng trọt (2015) Quyết định số 388/QĐ-TT-CCN ngày 01/09/2015. Ban hành tiêu chí tạm thời cây điều đầu dòng.
- [4] Canh tác điều, Viện nghiên cứu cây trồng nhiệt đới – Bộ Nông nghiệp Nam Phi (Cultivating Cashew nuts, Institute for Tropical and Subtropical Crops, Ministry of Agriculture – South Africa).
- [5] Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8550: 2018 Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống. *Crops seed and seedling – Field inspection method*.
- [6] Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13268-3:2021 Bảo vệ thực vật – Phương pháp điều tra sinh vật gây hại – Phần 3: Nhóm cây công nghiệp (*Plant protection - Pest surveillance method - Part 3: Industrial crops*).
- [7]. Định mức kinh tế kỹ thuật trồng mới vườn giống điều đầu dòng làm chồi ghép; Định mức kinh tế kỹ thuật chăm sóc vườn điều giống đầu dòng làm chồi ghép (áp dụng cho vườn điều từ năm thứ 2 sau trồng). ban hành kèm theo Quyết định số: 4364/QĐ-BNN-TT ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.